

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SƠN LA  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-ST.

Ngày: 29/9/2022.

V/V Tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA - TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Cà Văn Thanh, bà Lò Thị Quỳnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Văn Tía – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Tố Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về Tranh chấp kiện đòi tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-DS ngày 14/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Xuân Th, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tổ 5, phường H, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 15, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Phạm Xuân Th trình bày:**

Bà Nguyễn Thị T và bà Trần Thị Thùy Nghĩa (đã chết) vợ ông Phạm Xuân Th có mối quan hệ thân thiết coi nhau như chị em trong nhà. Năm 2016, bà Nghĩa vợ ông Th bị bệnh không qua khỏi nên bà T vẫn thỉnh thoảng sang nhà thấp hương cho bà Nghĩa nên biết ông Th có tiền để chuẩn bị mua 02 ngôi mộ đá. Ngày 25/4/2022, bà T đã đến nhà hỏi vay ông Th số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), mục đích để mua đất, nếu không trả tiền ngay trong ngày thì chủ đất sẽ bán cho người khác. Ông Th nói chỉ đủ tiền để mua 02 ngôi mộ

đá, không có tiền cho bà T vay, nhưng bà T hứa chỉ vay trong ngày, hôm sau sẽ trả, do nể nang nên ông Th đã cho bà T vay 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) (là số tiền dành để mua mộ đá) mà không làm giấy tờ vay mượn. Sau khi vay được tiền, bà không trả tiền như đã hẹn, nên ông Th đã nhắn tin đòi. Ngày 28/4/2022, bà T nhắn tin lại cho ông Th với nội dung: 80.000.000đ anh cho em mượn tạm khi em đang cần em sẽ có trách nhiệm trả anh trước 10/5/2022.

Đến hết tháng 5/2022, không thấy bà T trả tiền nên ông Th gửi đơn đến tổ 15, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La nơi bà T cư trú đề nghị giải quyết. Tại buổi hòa giải ở tổ, lúc đầu bà T không thừa nhận vay, sau khi bà tổ trưởng tổ 15 đưa ra chứng cứ là đoạn tin nhắn bà T gửi cho ông Th thì bà T thừa nhận có vay nhưng đã trả, thực tế bà T chưa trả cho ông Th.

Do đó, ông Phạm Xuân Th làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, yêu cầu bà T có trách nhiệm trả số tiền gốc 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, ông Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung.

**Trong các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:**

Bà xác nhận có vay của ông Phạm Xuân Th số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) nhưng đã trả hết vào ngày 06/5/2022 tại nhà ông Th. Khi vay và khi trả đều không làm giấy tờ, vì có mối quan hệ tình cảm. Tin nhắn của bà gửi cho ông Th là không có căn cứ, vì sau đó đã trả tiền cho ông Th. Do đó, bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện đòi tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) của ông Th.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La phát biểu quan điểm như sau:

- Việc tuân theo Pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ và các thủ tục tố tụng khác.

- Việc tuân theo Pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

- Việc chấp hành Pháp luật của người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật tố tụng Dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân Th buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền nợ gốc là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), không tính lãi.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Xuân Th thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị khác: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của ông Phạm Xuân Th, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tranh chấp kiện đòi tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật TTDS. Bị đơn bà T cư trú tại tổ 15, phường T, thành phố S tỉnh Sơn La vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xuất phát từ mối quan hệ thân thiết giữa bà Trần Thị Thùy Ng (vợ của ông Th) và bà T từ khi bà Nghĩa còn sống, hai bên thường xuyên qua lại, coi nhau như người thân. Kể từ khi bà Ng mất đến nay, bà T vẫn thường xuyên sang nhà thăm hỏi, thắp hương cho bà Nghĩa, động viên ông Th. Do vậy, ngày 25/4/2022, khi bà T đặt vấn đề hỏi vay tiền, ông Th đã lấy số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) là số tiền để dành mua 02 ngôi mộ đá cho bà T vay. Vì tin tưởng nhau nên hai bên không làm giấy tờ vay nợ, tuy nhiên bà T khẳng định đã trả số tiền trên cho ông Th vào ngày 06/5/2022.

Việc vay tiền giữa hai bên đã được chính quyền địa phương nơi bà T cư trú hòa giải, tại buổi hòa giải bà T cũng thừa nhận có vay nhưng đã trả. Tòa án cũng đã xác minh tại nơi cư trú của hai bên đương sự, kết quả xác minh cho thấy giữa hai bên có quan hệ tình cảm thân thiết và có cho nhau vay số tiền 80.000.000đ, còn việc bà T đã trả ông Th hay chưa chính quyền không nắm được, nhưng việc cho vay là có thật.

Bà T khẳng định đã trả nợ cho ông Th vào ngày 06/5/2022 nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Bà cho rằng khi trả nợ cho ông Th không làm giấy tờ do lúc đó hai người đang có mối quan hệ tình cảm thân thiết. Tuy nhiên, ý kiến này của bà T mâu thuẫn với đoạn tin nhắn đã nhắn cho ông Th vào ngày 28/4/2022 thể hiện bà và ông Th đã không còn quan hệ tình cảm và giữa hai người đã có xung đột với nhau. Ông Th đã cung cấp cho Tòa án ảnh chụp đoạn tin nhắn của bà T thừa nhận có vay tiền và hẹn ngày trả nợ, đồng thời lập vi bằng để xác nhận đoạn tin nhắn đó do bà T nhắn cho ông Th.

Từ nhận định phân tích trên, đủ căn cứ để khẳng định bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, việc ông Th yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán nợ gốc 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; ông Phạm Xuân Th thuộc trường hợp được miễn án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân Th đối với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán trả cho của ông Phạm Xuân Th số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), không tính lãi.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ông Phạm Xuân Th thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

*“ Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền: Thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Chi cục THA dân sự TP Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Bích Hồng**